

Số: 65/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2026/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 03 năm 2026, giữa:

Người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Đăng T - sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn D, phường H, thành phố Đà Nẵng;

- Bà Lê Thị Tuyết S - sinh năm: 1992; địa chỉ: tổ I phường H, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 03 năm 2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện H, TP Đà Nẵng (nay là phường H, TP Đà Nẵng) hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất hòa, tính tình không hợp nhau dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc, nay ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S có 02 con chung Nguyễn Đăng Q - sinh ngày 16/09/2013 và Nguyễn Lê Hà M - sinh ngày 15/12/2016. Ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S thống nhất giao 02 con chung cho bà Lê Thị Tuyết S trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Đăng T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000 đồng/con) cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S xác định tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S xác định không có.

[5]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Ông Nguyễn Đăng T - sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn D, phường H, thành phố Đà Nẵng;

- Bà Lê Thị Tuyết S - sinh năm: 1992; địa chỉ: tổ I phường H, thành phố Đà Nẵng;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S thống nhất thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2013, quyển số 01/2013, ngày 11/03/2013 của Ủy ban nhân xã H, huyện H, TP Đà Nẵng (nay là phường H, TP Đà Nẵng), không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành Quyết định này).

+ Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S có 02 con chung Nguyễn Đăng Q - sinh ngày 16/09/2013 và Nguyễn Lê Hà M - sinh ngày 15/12/2016. Ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S thống nhất giao 02 con chung cho bà Lê Thị Tuyết S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông Nguyễn Đăng T tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (1.000.000đồng/con) cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026 vào ngày 01 hàng tháng.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

+ Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S không có.

Lệ phí giải quyết việc HNGĐ-ST: 300.000đ, ông Nguyễn Đăng T và bà Lê Thị Tuyết S chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0001900 ngày 04/03/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND KV4;
- Phòng THADS KV4;
- UBND P. Hòa Xuân, TP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Phan Văn Trình

